

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 6 - 2022

V/v: Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thanh Hải.
2. Bà Nguyễn Thị Phương Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký HKTT: Ấp T.T, xã T.P, huyện C.T, tỉnh B.T, Việt Nam.

Chỗ ở hiện nay: Ploenzeile 14, 12459 Berlin, Cộng hòa liên bang Đức.

(Vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Đỗ An D, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 15, phường Q.T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ An D được tự nguyện tìm hiểu, đến ngày 19/4/2018 có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc và được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống vui vẻ, hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 5/2020 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đến tháng 11/2020 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện nay xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị có nguyện vọng được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống.

Về quyền nuôi con chung: Anh D và chị T có 01 con chung là Đỗ Minh L, sinh ngày 17/9/2016. Hiện đang ở cùng chị T tại Cộng hòa liên bang Đức. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cháu L. Về cấp dưỡng hai vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, do chị T đang ở nước ngoài nên chị không thể về Việt Nam trực tiếp giải quyết việc ly hôn với anh D được, chị đề nghị xem xét giải quyết vắng mặt chị trong các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên và tại phiên tòa bị đơn anh Đỗ An D trình bày: Anh xác định về quan hệ hôn nhân phù hợp với lời khai của chị T. Về mâu thuẫn vợ chồng anh xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Từ cuối năm 2020 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, về việc chị T xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Có 01 con như chị T đã khai là đúng. Hiện cháu L đang ở cùng chị T tại Cộng hòa liên bang Đức. Khi ly hôn anh và chị T đã có sự bàn bạc và thỏa thuận con sẽ ở với chị T. Về cấp dưỡng: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh D xác định không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh D. Con chung: Giao cháu Đỗ Minh L, sinh ngày 17/9/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về chấp hành pháp luật tố tụng: Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên được quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Do nguyên đơn là người Việt Nam hiện đang ở Cộng hòa liên bang Đức, có địa chỉ cụ thể tại Ploenzeile 14, 12459 Berlin, Cộng hòa liên bang Đức và toàn bộ văn bản gửi về đều có xác nhận của lãnh sự quán của Việt Nam tại Đức.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn hiện đang nước ngoài có địa chỉ cụ thể, đã gửi đầy đủ tài liệu và có đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Ngày 13/6/2022 bị đơn anh Đỗ An D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do chị T hiện đang ở Đức không có mặt tại Việt Nam. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ và nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Hồ Thị T và anh Đỗ An D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do trong cuộc sống chị T và anh D bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ cuối năm 2020 chị T và anh D đã sống ly thân nhau cho đến nay và hiện nay cả hai đều không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa. Chị T làm đơn xin ly hôn với anh D, anh D cũng hoàn toàn nhất trí.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị T, cho chị T được ly hôn với anh D là phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh D đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Minh L, sinh ngày 17/9/2016. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cháu L, về cấp dưỡng yêu cầu hai bên tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh D cũng thể hiện quan điểm nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đề nghị được tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng với chị T. Hiện nay cháu L đang ở cùng chị T tại Cộng hòa liên bang Đức, do đó để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Đỗ Minh L, sinh ngày 17/9/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với sự thỏa thuận của cả hai bên đương sự. Đảm bảo đúng quy định của pháp luật tại Điều 83; 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh D.

Anh D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Tại bản tự khai và tại phiên tòa anh D đều thể hiện ý kiến, quan điểm của mình cũng xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hồ Thị T đối với anh Đỗ An D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị T được ly hôn với anh Đỗ An D.

2. Về quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, thăm nom con và thay đổi nuôi con chung:

- *Về quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con:* Giao cho chị Hồ Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đỗ Minh L, sinh ngày 17/9/2016 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đỗ An D, do chị Hồ Thị T chưa có yêu cầu.

- *Về thăm nom con và thay đổi nuôi con chung:* Anh Đỗ An D là người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, anh Đỗ An D có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số 0000126 ngày 06/6/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị Hồ Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Đỗ An D được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ích Yên